ĐỀ I

Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1	Câu 16	Câu 31	Câu 46
Câu 2	Câu 17	Câu 32	Câu 47
Câu 3	Câu 18	Câu 33	Câu 48
Câu 4	Câu 19	Câu 34	Câu 49
Câu 5	Câu 20	Câu 35	Câu 50
Câu 6	Câu 21	Câu 36	Câu 51
Câu 7	Câu 22	Câu 37	Câu 52
Câu 8	Câu 23	Câu 38	Câu 53
Câu 9	Câu 24	Câu 39	Câu 54
Câu 10	Câu 25	Câu 40	Câu 55
Câu 11	Câu 26	Câu 41	Câu 56
Câu 12	Câu 27	Câu 42	Câu 57
Câu 13	Câu 28	Câu 43	Câu 58
Câu 14	Câu 29	Câu 44	Câu 59
Câu 15	Câu 30	Câu 45	Câu 60

Câu 1: Đặc điểm nào dưới đây không phải của Thuế giá trị gia tăng:

a. Gián thu

b. Đánh nhiều giai đoạn

c. Trùng lắp

d. Có tính trung lập cao

Câu 2: Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú:

e. Từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế

a. Theo năm

b. Theo quý

c. Theo tháng

Câu 3: Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

a. Khoản trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo mức quy định

b. Khoản chi tài trợ giáo dục theo đúng quy định

c. Các khoản chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành TSCĐ.

d. Không có khoản chi nào nêu trên

Câu 4: Đối với hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh, giá tính thuế

ketoanthue91

GTGT là:

a. Không phải tính và nộp thuế GTGT
b. Giá bán chưa có thuế GTGT
c. Giá bán đã có thuế GTGT
d. Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Câu 5: Các khoản thu nhập sau đây, khoản thu nhập nào thuộc thu nhập được miễn thuế

a. Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, tiền bồi thường tai nạn lao động, khoản bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật

b. Thu nhập nhận được từ quỹ từ thiện được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, không nhằm mục đích lợi nhuận

c. Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức chính phủ và phi chính phủ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

d. Tất cả các khoản thu nhập trên

Câu 6: Doanh nghiệp A bán 5 quạt điện, giá bán chưa có thuế GTGT là 500.000 đ/cái. Thuế suất 10%. Thuế GTGT đầu ra của số quạt đó là bao nhiêu:

a. 200.000 đồng
b. 250.000 đồng
c. 300.000 đồng

Câu 7: Công ty Xây dựng Y có doanh thu trong kỳ tính thuế là 2.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- **Doanh thu từ thực hiện hợp đồng xây dựng với doanh nghiệp Z: 1.500.000.000 đồng**
- **Doanh thu từ thực hiện hợp đồng xây dựng khác: 500.000.000 đồng**
- **Thuế GTGT đầu vào tập hợp được đủ điều kiện thực hiện khấu trừ: 20.000.000 đồng**
- **Doanh nghiệp được giảm 50% thuế suất thuế GTGT (biết thuế suất thuế GTGT của hoạt động xây dựng là 10%)**

Thuế GTGT phải nộp đến hết kỳ tính thuế tháng của công ty Y là bao nhiêu ?

a. 60.000.000 đồng
b. 70.000.000 đồng
c. 80.000.000 đồng

Câu 8: Công ty cổ phần thương mại và xây dựng M có doanh thu trong kỳ tính thuế là 5.000.000.000 đồng. Trong đó:

- **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại: 2.000.000.000 đồng**
- **Doanh thu từ thực hiện hợp đồng xây dựng khác: 3.000.000.000 đồng**
- **Thuế GTGT đầu vào tập hợp được đủ điều kiện thực hiện khấu trừ: 75.000.000 đồng**
- **Biết thuế suất thuế GTGT của hoạt động kinh doanh thương mại và xây dựng là 10%**

Thuế GTGT phải nộp đến hết kỳ tính thuế tháng của công ty M là bao nhiêu ?

a. 425.000.000 đồng
b. 450.000.000 đồng
c. 475.000.000 đồng

ketoan thue91

Câu 9: Người nộp thuế TNDN bao gồm:

a. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế

b. Hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.

c. Cả 2 đối tượng nêu trên

Câu 10: Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế TNDN hoặc loại thuế tương tự thuế TNDN ở ngoài Việt Nam thì khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp được tính trừ:

a. Số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài

b. Số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài nhưng tối đa không quá số thuế TNDN phải nộp theo quy định của luật thuế TNDN tại Việt Nam

c. Không có trường hợp nào nêu trên

Câu 11: Mức thuế suất thuế GTGT 0% được áp dụng trong trường hợp nào sau đây:

a. Dạy học

b. Dạy nghề

c. Vận tải quốc tế

d. Sản phẩm trồng trọt

Câu 12: Doanh nghiệp B nhập khẩu 1000 chai rượu 39^0 giá chưa có thuế TTĐB là 300.000 đồng/chai, thuế suất thuế TTĐB là 30%. Giá tính thuế GTGT của 01 chai rượu đó là bao nhiêu:

a. 390.000đồng
b. 400.000 đồng
c. 410.000đồng

Câu 13: Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công được quy định:

a. Theo năm

b. Theo quý

c. Theo tháng

Câu 14: Khoản chi nào đáp ứng đủ các điều kiện để được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế ?

a. Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinhdoanh của doanh nghiệp.

b. Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật và không vượt mức khống chế theo quy định.

c. Khoản chi đáp ứng cả 2 điều kiện nêu trên.

Câu 15: Giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu là:

a. Giá chưa có thuế GTGT

b. Giá chưa có thuế GTGT, đã có thuế TTĐB

c. Giá chưa có thuế GTGT, đã có thuế nhập khẩu

d. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với thuế TTĐB (nếu có), cộng (+) với thuế BVMT (nếu có)

Câu 16: Khoản chi nào dưới đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu

ketoanthue91

thuế?

a. Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật

b. Khoản chi không có hóa đơn nhưng có bảng kê và bảng kê này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật

c. Khoản chi thưởng sáng kiến, cải tiến có quy chế quy định cụ thể về việc chi thưởng sáng kiến, cải tiến,, có hội đồng nghiệm thu sáng kiến, cải tiến

Câu 17: Phần trích khấu hao TSCĐ nào dưới đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế :

a. Khấu hao đối với TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang được sử dụng

b. Khấu hao đối với TSCĐ có giấy tờ chứng minh được thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê mua tài chính)

c. Khấu hao đối với TSCĐ được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Doanh nghiệp theo chế độ quản lý TSCĐ và hạch toán kế toán hiện hành.

Câu 18: Kỳ tính thuế áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, trừ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ thừa kế; thu nhập từ quà tặng được quy định như thế nào?

a. Theo từng lần phát sinh thu nhập
b. Theo năm
c. Theo quý
d. Theo tháng

Câu 19: Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi trả cho người lao động nào dưới đây:

a. Tiền lương, tiền công trả cho người lao động có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật

b. Tiền thưởng cho người lao động không ghi cụ thể điều kiện được hưởng trong hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể

c. Cả 2 khoản chi nêu trên

Câu 20: Doanh nghiệp X có doanh thu bán sản phẩm đồ chơi trẻ em chưa bao gồm thuế GTGT trong tháng 7/2014 là 100.000.000 đồng

- **Thuế GTGT đầu vào tập hợp được đủ điều kiện thực hiện khấu trừ: 2.000.000 đồng**
- **Biết thuế suất thuế GTGT của sản phẩm đồ chơi trẻ em là 5%**

Thuế GTGT phải nộp đến hết kỳ tính thuế tháng 07/2014 của công ty là bao nhiêu ?

a. 2.000.000 đồng
b. 3.000.000 đồng
c. 4.000.000 đồng

Câu 21: Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp do cơ quan thuế quyết định miễn thuế, giảm

ketoanthue91

thuế bao gồm:

a. Tờ khai thuế và tài liệu có liên quan đến việc xác định số thuế được miễn, số thuế được giảm

b. Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế, trong đó nêu rõ loại thuế đề nghị miễn, giảm; lý do miễn thuế, giảm thuế; số tiền thuế được miễn, giảm và tài liệu có liên quan đến việc xác định số thuế được miễn, số thuế được giảm

c. Cả a và b

Câu 22: Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB thì số thuế TTĐB phải nộp trong kỳ là:

a. Thuế TTĐB của hàng hóa tiêu thụ trong kỳ

b. Thuế TTĐB của hàng hóa xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hóa xuất kho tiêu thụ trong kỳ (nếu có chứng từ hợp pháp)

c. Thuế TTĐB của hàng hóa xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào (nếu có chứng từ hợp pháp)

d. Không có câu nào trên là đúng

Câu 23: Công ty du lịch Hà Nội thực hiện hợp đồng đưa khách du lịch từ VN đi Trung Quốc thu theo giá trọn gói là 400 USD/ người đi năm ngày, Công ty du lịch Hà Nội phải chi trả cho công ty du lịch Trung Quốc 300 USD/người thi Doanh thu tính thuế của công ty du lịch Hà Nội là:

a. 400 USD/người
b. 300 USD/người
c. 100 USD/người
d. Tất cả đều sai

Câu 24: Doanh nghiệp được tính vào chi phí khoản chi nào dưới đây khi có đầy đủ hóa đơn, chứng từ:

a. Phần trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay

b. Chi trả lãi tiền vay để góp vốn điều lệ hoặc chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu

c. Chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của tổ chức tín dụng khi đã góp đủ vốn điều lệ

d. Không có khoản chi nào cả

Câu 25: Căn cứ tính thuế tài nguyên là gì ?

a. Sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác, giá tính thuế và thuế suất
b. Sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác và giá tính thuế
c. Sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác và thuế suất

Câu 26: Hồ sơ hoàn thuế bao gồm:

a. Văn bản yêu cầu hoàn thuế
b. Chứng từ nộp thuế

ketoan.thue91

c. Các tài liệu khác liên quan đến yêu cầu hoàn thuế
d. a và c

Câu 27: Công ty du lịch TP. Hồ Chí Minh thực hiện hợp đồng du lịch với Thái Lan theo hình thức trọn gói 50 khách du lịch trong 05 ngày tại VN với tổng số tiền thanh toán là 32.000 USD. Phía Việt Nam phải lo chi phí toàn bộ vé máy bay, ăn, ở tham quan theo chương trình thỏa thuận; trong đó riêng tiền vé máy bay đi từ Thái Lan sang VN và ngược lại hết

10.000 USD. Tỷ giá 1USD =17.000 VNĐ
Giá tính thuế GTGT theo hợp đồng này là ?
a. 340.00.000 VNĐ
b. 374.000.000 VNĐ
c. 544.000.000 VNĐ

Câu 28: Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, giá tính thuế GTGT là:

a. Giá trị xây dựng lắp đặt thực tế
b. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT
c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT
d. Giá tính thuế hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có thuế GTGT

Câu 29: Doanh nghiệp X trong năm tính thuế có tài liệu sau:

- **Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 8.000 triệu đồng**
- **Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ: 6.000 triệu đồng, trong đó:**
  + Chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu: 300 triệu đồng
  + Chi đào tạo tay nghề cho công nhân: 200 triệu đồng
  + Các chi phí còn lại được coi là hợp lý
- **Thuế suất thuế TNDN là 22%**
  Thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp trong năm là:
  a. 500 triệu đồng
  b. 625 triệu đồng
  c. 506 triệu đồng
  d. Số khác

Câu 30: Một Doanh nghiệp trong năm tính thuế có số liệu:

- **Doanh thu bán hàng: 5.000 triệu đồng**
- **Doanh nghiệp kê khai: tổng các khoản chi được trừ vào chi phí là 4.000 triệu đồng**
- **Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế: 200 triệu đồng**

Thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế:

a. 600 triệu đồng
b. 800 triệu đồng
c. 1.000 triệu đồng
d. 1.200 triệu đồng

Câu 31: Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, giá tính thuế GTGT là:

a. Giá trị xây dựng lắp đặt thực tế

ketoan thue91

b. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT

c. Giá xây dựng lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT

d. Giá tính thuế hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành bàn giao chưa có thuế GTGT

Câu 32: Thế nào là cá nhân cư trú ?

a. Có mặt tại VN từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại VN

b. Có nơi ở thường xuyên tại VN, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại VN theo hợp đồng thuê có thời hạn 183 ngày trở lên

c. Đáp ứng 1 trong 2 điều kiện trên

d. Tất cả các điều kiện trên

Câu 33: Các khoản thu nhập sau đây, khoản thu nhập nào thuộc thu nhập chịu thuế của cá nhân cư trú:

a. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

b. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn

c. Thu nhập từ bản quyền

d. Tất cả các khoản thu nhập trên

Câu 34: Các khoản thu nhập sau đây, khoản thu nhập nào thuộc thu nhập chịu thuế của cá nhân cư trú:

a. Thu nhập từ kinh doanh

b. Thu nhập từ thừa kế

c. Thu nhập từ đầu tư vốn

d. Tất cả các khoản thu nhập trên

Câu 35: Các khoản thu nhập sau đây, khoản thu nhập nào thuộc thu nhập được miễn thuế:

a. Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với phần tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật.

b. Tiền lương hưu do Bảo hiểm xã hội chi trả

c. Thu nhập từ học bổng

d. Tất cả các khoản thu nhập trên

Câu 36: Cá nhân được hoàn thuế trong trường hợp nào:

a. Số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp

b. Cá nhân đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp thuế

c. Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

d. Tất cả các trường hợp trên

Câu 37: Cá nhân được giảm trừ những khoản nào sau đây khi xác định thu nhập tính thuế:

a. Các khoản giảm trừ gia cảnh

b. Các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc

ketoan thue91

c. Các khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học
d. Tất cả các khoản trên

Câu 38: Một Doanh nghiệp trong năm tính thuế có tài liệu như sau:

- **Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 4.000 triệu đồng**
- **Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ: 3.000 triệu đồng, trong đó:**
  + Chi phí xử lý nước thải: 300 triệu đồng
  + Chi tiền lương trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả: 200 triệu đồng
- **Các chi phí còn lại là hợp lý**
- **Thuế suất thuế TNDN là 22%**

Thuế TNDN mà doanh nghiệp phải nộp trong năm:

a. 250 triệu đồng
b. 264 triệu đồng
c. 300 triệu đồng
d. Số khác

Câu 39: Cá nhân C là đối tượng cư trú đồng sở hữu 2 căn hộ. Tháng 08/2015 anh C quyết định bán cả 2 căn hộ với giá 800 triệu đồng và 750 triệu đồng mỗi căn. Anh C không còn giấy tờ mua 2 căn hộ nên không xác định được giá vốn của 2 căn hộ này

Thuế TNCN do bán 2 căn hộ này được xác định như thế nào ?

a. 23.000.000 đồng
b. 27.500.000 đồng
c. 31.000.000 đồng
d. 30.000.000 đồng

Câu 40: Đối tượng chịu thuế GTGT là:

a. Hàng hóa, dịch vụ sản xuất, kinh doanh ở VN
b. Hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài
c. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho SXKD và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT
d. Tất cả các đáp án trên

Câu 41: Ông B bán 500 cổ phiếu với giá bán là 25.000đ/cổ phiếu, giá mua 8.500 đ/cổ phiếu, chi phí liên quan của việc bán 500 cổ phiếu này là 750.000 đồng (các chứng từ mua, bán và chi phí hợp lý). Thuế TNCN ông B phải nộp là bao nhiêu ?

a. 1.500.000 đồng
b. 1.750.000 đồng
c. 1.950.000 đồng
d. 2.200.000 đồng

Câu 42: Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa gia công là:

a. Giá tính thuế của hàng hóa bán ra của cơ sở giao gia công
b. Giá tính thuế của sản phẩm cùng loại tại cùng thời điểm bán hàng
c. Giá tính thuế của sản phẩm tương đương tại cùng thời điểm bán hàng
d. Hoặc a, hoặc b, hoặc c

Câu 43: Hàng hóa luân chuyển nội bộ là hàng hóa:

a. Do cơ sở kinh doanh xuất bán

ketoan.thue91

b. Do cơ sở kinh doanh cung ứng sử dụng cho tiêu dùng của cơ sở kinh doanh

c. Để tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất, kinh doanh

d. Do cơ sở kinh doanh biếu tặng

Câu 44: Những hàng hóa dưới đây, hàng hóa nào thuộc diện chịu thuế TTĐB:

a. Tàu bay du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh

b. Xe ô tô chở người từ 24 chỗ trở lên

c. Điều hòa nhiệt độ có công suất trên 90.000 BTU

d. Xe mô tô hai bánh có dung tích trên 125 cm^3

Câu 45: Trường hợp nào tổ chức, cá nhân bị tạm đình chỉ quyền tự in hóa đơn, quyền khởi tạo hóa đơn điện tử ?

a. Có hành vi tự in hóa đơn giả, hoặc khởi tạo hóa đơn điện tử giả

b. Có hành vi tự in hóa đơn hoặc khởi tạo hóa đơn điện tử khi không đủ các điều kiện quy định

c. Cả 2 hình thức trên

Câu 46: Giá tính thuế TTĐB của hàng hóa sản xuất trong nước là:

a. Giá bán của cơ sở sản xuất

b. Giá bán của cơ sở sản xuất chưa có thuế GTGT

c. Giá bán của cơ sở sản xuất chưa có thuế GTGT và TTĐB

d. Không câu trả lời nào trên là đúng

Câu 47: Hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mãi, quảng cáo được lập như thế nào ?

a. Không lập hóa đơn GTGT, dùng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo Lệnh điều động nội bộ

b. Lập hóa đơn GTGT, trên hóa đơn ghi tên và giá trị hàng hóa theo giá vốn, thuế suất tương ứng mặt hàng bán ra

c. Lập hóa đơn GTGT ghi tên và số lượng hàng hóa, ghi rõ là hàng khuyến mãi, quảng cáo, không thu tiền; dòng thuế suất, thuế GTGT không ghi, gạch chéo.

Câu 48: Khoản chi nào sau đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

a. Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; tiền lương, tiền công của chủ công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (do 1 cá nhân làm chủ)

b. Tiền lương trả cho các thành viên của hội đồng quản trị trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

c. Cả hai khoản chi (a) và (b) nêu trên

Câu 49: Các trường hợp thuộc diện kiểm tra hồ sơ trước khi hoàn thuế là:

a. Hoàn thuế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

ketoan.
ketoanthue91

b. Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu
c. Người nộp thuế đã có hành vi trốn thuế, gian lận về thuế trong thời hạn 2 năm tính từ thời điểm đề nghị hoàn thuế trở về trước
d. Người nộp thuế không thực hiện giao dịch thanh toán qua ngân hàng theo quy định
e. Doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia tách , giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, chấm dứt hoạt động; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước.
f. Hết thời hạn theo thông báo của cơ quan quản lý thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế theo yêu cầu
g. Hàng hóa nhập khẩu thuộc diện nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật.
h. Tất cả các trường hợp trên

Câu 50: Chị C được ông B tặng một chiếc xe máy trị giá 25 triệu đồng. Số thuế TNCN chị C phải nộp là bao nhiêu ?

a. 1.200.000 đồng
b. 1.500.000 đồng
c. 1.750.000 đồng
d. 2.100.000 đồng

Câu 51: Trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế chưa đầy đủ, cơ quan thuế phải thông báo cho người nộp thuế để hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ ?

a. 07 ngày
b. 05 ngày
c. 03 ngày

Câu 52: Trường hợp nào dưới đây mà người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB được xét giảm thuế TTĐB :

a. Gặp khó khăn do thiên tai
b. Gặp khó khăn do tai nạn bất ngờ
c. Kinh doanh bị thua lỗ
d. a và b đều đúng

Câu 53: Một gia đình có 2 con nhỏ dưới 18 tuổi và 1 mẹ già trên 60 tuổi không có thu nhập. Thu nhập của người chồng là 27 triệu đồng/tháng Thu nhập của người vợ bị tàn tật không có khả năng lao động là
1.750.000 đ/tháng
Thu nhập tính thuế bình quân một tháng của người chồng là bao nhiêu nếu ông đăng ký giảm trừ gia cảnh cho những người phụ thuộc thỏa điều kiện theo quy định ?

a. 7.200.000 đồng
b. 6.200.000 đồng
c. 6.500.000 đồng
d. 6.600.000 đồng

Câu 54: Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhầm lẫn ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong trường hợp nào ?

ketoan thue91

a. Ngay sau khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhầm lẫn.

b. Sau khi cơ quan thuế có quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế, tại trụ sở người nộp thuế

c. Trước khi cơ quan thuế có quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Câu 55: Hàng hóa, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng chịu thuế GTGT:

a. Nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp
b. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt
c. Phân bón
d. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác

Câu 56: Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, giá tính thuế GTGT là:

a. Giá bán chưa có thuế GTGT
b. Giá bán đã có thuế GTGT
c. Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ cùng loại
d. Giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ

Câu 57: Công ty kinh doanh bất động sản C bán một căn biệt thư, giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng là 8 tỷ đồng, trong đó giá bán nhà là 5 tỷ đồng, giá đất là 3 tỷ đồng. Công ty C thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án. Khách mua phải trả tiền làm 3 lần, lần thứ nhất làm 30% hợp đồng (2,4 tỷ đồng), lần thứ hai là 50% hợp đồng (4 tỷ đồng) , lần thứ 3 thanh toán số còn lại là 1,6 tỷ đồng. Xác định giá tính thuế GTGT lần thanh toán thứ 3 là?

a. 1 tỷ đồng
b. 1,5 tỷ đồng
c. 2,5 tỷ đồng

Câu 58: Đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất (SDĐ) là:

a. Người được Nhà nước giao đất theo diện thu tiền SDĐ
b. Người đang sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
c. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở mà đất đó được sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa nộp tiền sử dụng đất, nay được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
d. Cả 3 trường hợp trên

Câu 59: Người nộp thuế phải kê khai, nộp lệ phí trước bạ vào thời điểm?

a. Bất cứ lúc nào
b. Trước khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản
c. Sau khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản

Câu 60: Doanh nghiệp B trong năm có số liệu sau:

- **Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 7.000 triệu đồng**
- **Chi phí doanh nghiệp kê khai: 5.000 triệu đồng, trong đó:**
  + Tiền lương công nhân viên có chứng từ hợp pháp: 500 triệu đồng
  + Tiền trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật: 200 triệu đồng
  + Các chi phí còn lại được coi là chi phí hợp lý

ketoanthue91

- **Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm (có chứng nhận đăng ký và được cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận): 200 triệu đồng.**

Thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp là:

a. 2.000 triệu đồng
b. 2.200 triệu đồng
c. 2.700 triệu đồng
d. 2.900 triệu đồng

Phần 2: Bài tập

Bài 1: Công ty TNHH A là công ty chuyên sản xuất hàng tiêu dùng, thực hiện kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, mã số thuế: 0102123456, địa chỉ: 90 Yên Bái, Hai Bà Trưng, Hà Nội, điện thoại: 04.372 3465 , email: A@yahoo.com. Trong kỳ tính thuế tháng 09/2015 có tình hình như sau:

1. Mua 5 tấn bông thành phẩm của công ty E, mã số thuế: 0102111111 theo hóa đơn số 0000123, ký hiệu AA/2015N ngày 10/09/2015, giá chưa có thuế GTGT là 250 triệu đồng.
2. Mua 01 xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi của Công ty X, mã số thuế : 0102222222 theo hóa đơn 0000200, ký hiệu AB/2015N ngày 12/09/2015, số thuế GTGT ghi trên hóa đơn là 200 triệu đồng
3. Mua 2 chiếc ti vi của công ty Y, mã số thuế: 0102333333 theo hóa đơn số 0000150, ký hiệu AC/2015N ngày 15/9/2015, giá chưa có thuế GTGT là 15 triệu đồng/chiếc
4. Mua 05 chiếc quạt điện của công ty Z, mã số thuế: 0102333222 theo hóa đơn 0000175, ký hiệu AB/2015N ngày 20/09/2015, giá chưa có thuế GTGT là 1 triệu đ/chiếc. Do ghi sai thông tin nên người bán trực tiếp tẩy, xóa, sửa chữa trên hóa đơn.
5. Tháng 06/2015, công ty mua của công ty B, mã số thuế 0102444444 mặt hàng bông sơ chế dùng để sản xuất kinh doanh theo hóa đơn số 0001234, ký hiệu AB/2015N ngày 05/06/2015, trị giá chưa bao gồm thuế GTGT là 50 triệu đồng. Theo quy định, mặt hàng bông sơ chế chịu thuế suất thuế GTGT là 5%, nhưng trên hóa đơn GTGT, công ty B đã lập với thuế suất 10%.
   Giả định là hóa đơn này hợp pháp và các chỉ tiêu khác được ghi đầy đủ theo đúng quy định. Công ty đã thanh toán qua Ngân hàng và đã khai thuế GTGT đầu vào cho kỳ tính thuế tháng 06/2015.
   Ngày 07/09/2015, hai công ty đã lập biên bản điều chỉnh và công ty B lập hóa đơn GTGT điều chỉnh số 0001345, ký hiệu AB/2015N cho hóa đơn GTGT ghi sai thuế suất nêu trên với số thuế GTGT điều chỉnh giảm là 2,5 triệu đồng.
6. Ngày 21/ 07 /2015, công ty mua 10 bông thành phẩm của công ty C, mã số thuế: 0102123321 theo hóa đơn GTGT số 0000111, ký hiệu
   AB/2015N, với giá trị chưa bao gồm thuế GTGT là 500 triệu đồng. Đến tháng 09/2015, công ty phát hiện có 3 tấn bông thành phẩm không đúng quy cách, chất lượng nên trả lại cho công ty C; đồng thời lập hóa đơn khi xuất trả hàng số 0000006, ký hiệu AB/2015N ngày 12/09/2015
7. Xuất khẩu 01 lô quần áo cho công ty MNS ở nước ngoài, giá FOB là 2 triệu USD theo hóa đơn số 0000004, ký hiệu AB/2015 ngày 05/09/2015
8. Ngày 9/9/2015 bán cho công ty P , mã số thuế 0102555555, 700 bộ quần áo theo hóa đơn GTGT số 0000005, ký hiệu AB/2015N, với giá chưa bao gồm thuế GTGT là 1 triệu đồng/bộ

ketoan.thue91

Yêu cầu:

Căn cứ vào các thông tin trên, Anh/Chị hãy tính toán, giải thích các chỉ tiêu và lập hồ sơ khai thuế GTGT cho kỳ tính thuế tháng 09/2015 của công ty A theo quy định hiện hành.

Biết rằng:

- Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang: 50 triệu đồng
- Mặt hàng bông sơ chế chịu thuế suất thuế GTGT là 5%. Thuế suất thuế GTGT của các hàng hóa, dịch vụ khác là: 10%
- Nghiệp vụ 3 công ty thực hiện thanh toán bằng tiền mặt; các nghiệp vụ khác được thực hiện thanh toán qua Ngân hàng và có chứng từ đầy đủ
- Các hàng hóa, dịch vụ công ty mua vào đều phục vụ cho hoạt động SXKD hàng hóa chịu thuế GTGT
- Doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế GTGT các kỳ tính thuế vào ngày 20 hàng tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế
- Công ty không đề nghị hoàn thuế trong kỳ (nếu có)
- Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố: 1 USD = 18.000 VNĐ

Bài 2: Bà Linda là nhân viên của một công ty tư vấn A của Mỹ, từ ngày 01/05/2014 được điều động đến VN để thực hiện tư vấn Luật cho công ty Y tại VN theo hợp đồng ký kết giữa công ty Y và công ty tư vấn A

Tổng số thời gian bà Linda có mặt tại VN để thực hiện nhiệm vụ tư vấn cụ thể như sau:

- Làm việc từ 01/05/2014 đến 15/06/2014, sau đó trở về Mỹ
- Ngày 30/06/2014 trở lại VN làm việc đến ngày 10/08/2014. Ngày 15/08/2015 rời VN về Mỹ.
- Ngày 01/10/2014, trở lại VN làm việc đến hết ngày 20/12/2014 và về nước lễ giáng sinh.
- Ngày 01/02/2015, quay lại VN làm việc đến 01/04/2015 kết thúc công việc và rời hẳn VN

Được biết toàn bộ phần tiền lương của Bà Linda là do công ty tư vấn A của Mỹ trả tại Mỹ, với mức thu nhập hàng tháng là: 15.000 USD/tháng. Khoản thu nhập này Bà Linda bị cơ quan thuế Mỹ khấu trừ thu nhập là 1.000 USD **Yêu cầu:**

Căn cứ tình hình trên, Anh/Chị hãy xác định số thuế TNCN mà Bà Linda phải kê khai nộp thuế tại VN theo quy định của luật thuế TNCN ?

Biết rằng:

- Bà Linda không kê khai người phụ thuộc phải nuôi dưỡng
- Tỷ giá ngoại tệ không thay đổi trong thời gian này là 20.000 đồng/USD
- Bà Linda có đầy đủ giấy tờ chứng minh đã bị khấu trừ thuế TNCN ở Mỹ

(Ghi chú số liệu tính toán làm tròn đến hàng đồng)

Bài 3: Một Doanh nghiệp sản xuất trong năm tính thuế có tài liệu sau (ĐVT: triệu đồng)

1. ***Doanh thu bán hàng: 10.000, trong đó:***

- Doanh thu bán bàn ghế gỗ trong nước theo giá chưa thuế GTGT: 3.000

ketoan.thue91

- Doanh thu bán chân tay giả trong nước: 2.000
- Doanh thu xuất khẩu bàn ghế theo giá FOB: 4.000
- Doanh thu xuất khẩu chân tay giả theo giá FOB: 1.000

2. ***Chi mua vật tư theo giá chưa thuế GTGT: 4.000, trong đó:***
- 2.800 được dùng để sản xuất bàn ghế
- 1.200 được dùng để sản xuất chân tay giả

3. ***Tổng số chi phí khác được trừ: 3.500. Trong đó, chi nộp phạt vi phạm hợp đồng kinh tế: 60***

4. ***Tổng số thuế GTGT đầu vào khác phát sinh trong năm tập hợp trên các hóa đơn GTGT không hạch toán riêng được cho từng hoạt động: 400***

5. ***Thu nhập khác như sau:***
- Thu nhập nhận được từ 1 nước chưa ký hiệp định với Việt Nam sau khi nộp thuế cho nước này với thuế suất 30%: 210
- Thu nhập được chia từ 1 dự án đầu tư trong nước (đã nộp thuế tại nơi góp vốn): 400
- Thu từ phạt vi phạm hợp đồng kinh tế: 100

6. ***Số lỗ năm trước liền kề được chuyển sang theo quy định của pháp luật: 200***

Yêu cầu: Xác định thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp trong năm tính thuế.

Biết rằng:
- Thuế suất thuế GTGT: 10%. Thuế suất thuế TNDN: 22%
- Hàng hóa mua vào đều thanh toán qua ngân hàng
- Hàng hóa xuất khẩu đủ điều kiện được khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật.
- Các hóa đơn, chứng từ mua bán đều là hợp pháp
- Doanh nghiệp không có tồn kho nguyên liệu và sản phẩm đầu và cuối năm

Bài 4: Trong kỳ tính thuế tháng 10/2014, Doanh nghiệp A có tình hình sản xuất kinh doanh như sau:

1. Mua 50.000 cây thuốc lá từ cơ sở sản xuất X để xuất khẩu theo hợp đồng đã ký kết với giá mua là 30.000 đồng/cây.

   Đơn vị đã xuất khẩu được 30.000 cây thuốc lá với giá FOB là 42.000 đồng/cây. Số còn lại do không đủ tiêu chuẩn chất lượng nên phải tiêu thụ trong nước với giá bán chưa có thuế GTGT là 40.000 đồng/cây

2. Nhập khẩu 150 chiếc điều hòa nhiệt độ công suất 20.000 BTU, giá mua tại cửa khẩu nước xuất khẩu ghi trong hợp đồng ngoại thương là 280 USD/chiếc, chi phí vận tải và bảo hiểm quốc tế cho toàn bộ lô hàng là

   1.200 USD
   Trong kỳ đơn vị đã bán được 120 chiếc với giá bán chưa thuế GTGT là 15.000.000 đồng/chiếc. Lô hàng nhập khẩu đủ điều kiện để xác định giá tính theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu.

3. Nhập khẩu 1.000 chai rượu 40 ^{0}, giá CIF ghi trên hợp đồng ngoại thương là 660.000 đồng/chai. Trên đường vận chuyển về cửa khẩu trong phạm vi giám sát của hải quan bị vỡ 60 chai (đã được cơ quan giám định xác nhận

)

Yêu cầu:

Căn cứ tình hình trên, Anh/Chị hãy xác định số thuế TTĐB doanh nghiệp A phải nộp trong kỳ tính thuế tháng 10/2014

ketoanthue91

GIẢI ĐỀ I

Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1	C	Câu 16	A	Câu 31	C	Câu 46	C
Câu 2	A	Câu 17	A	Câu 32	C	Câu 47	C
Câu 3	C	Câu 18	A	Câu 33	D	Câu 48	A
Câu 4	A	Câu 19	B	Câu 34	D	Câu 49	H
Câu 5	D	Câu 20	B	Câu 35	D	Câu 50	B
Câu 6	B	Câu 21	B	Câu 36	D	Câu 51	C
Câu 7	C	Câu 22	B	Câu 37	D	Câu 52	D
Câu 8	A	Câu 23	C	Câu 38	B	Câu 53	A
Câu 9	A	Câu 24	C	Câu 39	C	Câu 54	C
Câu 10	B	Câu 25	A	Câu 40	C	Câu 55	B
Câu 11	C	Câu 26	D	Câu 41	A	Câu 56	D
Câu 12	A	Câu 27	A	Câu 42	D	Câu 57	A
Câu 13	A	Câu 28	B	Câu 43	C	Câu 58	D
Câu 14	C	Câu 29	C	Câu 44	D	Câu 59	B
Câu 15	D	Câu 30	B	Câu 45	A	Câu 60	B

Phần II: Phần Bài tập

Bài 1:

1. *"Công ty TNHH A là công ty chuyên sản xuất hàng tiêu dùng, thực hiện kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, mã số thuế: 0102123456, địa chỉ: 90 Yên Bái, Hai Bà Trưng, Hà Nội, điện thoại: 04.372 3465 , email: A@yahoo.com. Trong kỳ tính thuế tháng 09/2015"*

➢ Điền thông tin vào tờ khai 01/GTGT

2. *"Mua 5 tấn bông thành phẩm của công ty E, mã số thuế: 0102111111 theo hóa đơn số 0000123, ký hiệu AA/2015N ngày 10/09/2015, giá chưa có thuế GTGT là 250 triệu đồng".*

➢ Hàng hóa dùng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ

➢ Bông thành phẩm -> 5%

3. *"Mua 01 xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi của Công ty X, mã số thuế : 0102222222 theo hóa đơn 0000200, ký hiệu AB/2015N ngày 12/09/2015, số thuế GTGT ghi trên hóa đơn là 200 triệu đồng"*

➢ Giá trị xe ô tô chưa bao gồm thuế = 200.000.000 /0,1 = 2.000.000.000

➢ Chỉ được khấu trừ thuế GTGT tương ứng với trị giá 1,6 tỷ đồng -> Thuế GTGT được khấu trừ = 1.600.000.000 x 10% = 160.000.000

➢ Giá trị còn lại (400 triệu đồng) và thuế GTGT tương ứng (40 triệu đồng) –> hàng hóa không đủ điều kiện khấu trừ

ketoanthue91

➢ Thuế GTGT tương ứng phần giá trị vượt quá 1,6 tỷ đồng (40 triệu đồng) được tính vào nguyên giá TSCĐ xe ô tô

4. *"Mua 2 chiếc ti vi của công ty Y, mã số thuế: 0102333333 theo hóa đơn số 0000150, ký hiệu AC/2015N ngày 15/9/2015, giá chưa có thuế GTGT là 15 triệu đồng/chiếc"*

"Nghiệp vụ 3 công ty thực hiện thanh toán bằng tiền mặt; các nghiệp vụ khác được thực hiện thanh toán qua ngân hàng và có chứng từ đầy đủ"

➢ Tổng giá thanh toán lớn hơn 20 triệu đồng nhưng không thanh toán qua ngân hàng -> hàng hóa không đủ điều kiện khấu trừ

5. *"Mua 05 chiếc quạt điện của công ty Z, mã số thuế: 0102333222 theo hóa đơn 0000175, ký hiệu AB/2015N ngày 20/09/2015, giá chưa có thuế GTGT là 1 triệu đ/chiếc. Do ghi sai thông tin nên người bán trực tiếp tẩy, xóa, sửa chữa trên hóa đơn."*

➢ Hàng hóa không đủ điều kiện khấu trừ

6. *"Tháng 06/2015, công ty mua của công ty B, mã số thuế 0102444444 mặt hàng bông sơ chế dùng để sản xuất kinh doanh theo hóa đơn số 0001234, ký hiệu AB/2015N ngày 05/06/2015, trị giá chưa bao gồm thuế GTGT là 50 triệu đồng. Theo quy định, mặt hàng bông sơ chế chịu thuế suất thuế GTGT là 5%, nhưng trên hóa đơn GTGT, công ty B đã lập với thuế suất 10%.*

Giả định là hóa đơn này hợp pháp và các chỉ tiêu khác được ghi đầy đủ theo đúng quy định. Công ty đã thanh toán qua Ngân hàng và đã khai thuế GTGT đầu vào cho kỳ tính thuế tháng 06/2015.

Ngày 07/09/2015, hai công ty đã lập biên bản điều chỉnh và công ty B lập hóa đơn GTGT điều chỉnh số 0001345, ký hiệu AB/2015N cho hóa đơn GTGT ghi sai thuế suất nêu trên với số thuế GTGT điều chỉnh giảm là 2,5 triệu đồng."

➢ Hai bên mua bán căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, ghi âm vào bảng kê đầu vào, đầu ra.

7. *"Ngày 21/ 07 /2015, công ty mua 10 bông thành phẩm của công ty C, mã số thuế: 0102123321 theo hóa đơn GTGT số 0000111, ký hiệu AB/2015N, với giá trị chưa bao gồm thuế GTGT là 500 triệu đồng. Đến tháng 09/2015, công ty phát hiện có 3 tấn bông thành phẩm không đúng quy cách, chất lượng nên trả lại cho công ty C; đồng thời lập hóa đơn khi xuất trả hàng số 0000006, ký hiệu AB/2015N ngày 12/09/2015"*

➢ Hóa đơn xuất trả hàng được kê khai vào bảng kê đầu ra 01-1/GTGT

8. *"Xuất khẩu 01 lô quần áo cho công ty MNS ở nước ngoài, giá FOB là 2 triệu USD theo hóa đơn số 0000004, ký hiệu AB/2015 ngày 05/09/2015"*

➢ Hàng hóa xuất khẩu -> chịu thuế suất GTGT 0%

"Ngày 9/9/2015 bán cho công ty P , mã số thuế 0102555555, 700 bộ quần áo theo hóa đơn GTGT số 0000005, ký hiệu AB/2015N, với giá chưa bao gồm thuế GTGT là 1 triệu đồng/bộ"

ketoan.thue91

- Hàng hóa bán ra chịu thuế suất 10%
- Giá hàng hóa tính thuế GTGT = 700 bộ x 1 triệu đồng/bộ = 700 triệu đồng

9. *"Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang: 50 triệu đồng"*

- Điền vào chỉ tiêu [22] tờ khai 01/GTGT

10. *"Công ty không đề nghị hoàn thuế trong kỳ (nếu có)"*

- Số thuế chưa khấu trừ hết kỳ này (147.500.000) được ghi vào chỉ tiêu [43] – Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau.

0102123456

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Kỳ tính thuế: Tháng 09 năm 2015

Lần đầu: X Bổ sung lần thứ:

Mã số thuế:

Tên người nộp thuế: Công ty TNHH A

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế đại lý:

☐ Gia hạn

Trường hợp được gia hạn:

STT	CHỈ TIÊU		GIÁ TRỊ HHDV		THUẾ GTGT
A	**Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")**	[21]	☐		
B	**Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang**			[22]	50.000.000
C	**Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước**				
I	**Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ**				
1	**Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào**	[23]	**2.290.000.000**	[24]	**182.500.000**
2	**Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này**			[25]	**182.500.000**
II	**Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ**				
1	**Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT**	[26]	**0**		
2	**Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]= [29]+[30]+[32]; [28]= [31]+[33])**	[27]	**36.850.000.000**	[28]	**85.000.000**
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	36.000.000.000		
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	850.000.000	[33]	85.000.000
3	**Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])**	[34]	**36.850.000.000**	[35]	**85.000.000**
III	**Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])**			[36]	**(97.500.000)**
IV	**Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước**				
1	Điều chỉnh giảm			[37]	0
2	Điều chỉnh tăng			[38]	0
V	**Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh**			[39]	0
VI	**Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:**				
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38] - [39] ≥ 0)			[40a]	0
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế			[40b]	0
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])			[40]	0
4	**Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu ([41] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] < 0)**			[41]	147.500.000
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn			[42]	0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42])			[43]	147.500.000

Nhân viên đại lý thuế

Họ và tên

Chứng chỉ hành nghề số

Người ký:

Ngày ký: 20/10/2015

ketoan.thue91@gmail.com

Bài 2:
Số ngày Bà Linda có mặt tại VN tính theo quy định thuế:
Năm 2014

Thời gian	Số ngày (Ngày đến và ngày đi chỉ tính chung là 01 ngày)
Từ 01/05/2014 đến 15/06/2014	45
Từ 30/06/2014 đến 15/08/2014	46
Từ 01/10/2014 đến 20/12/2014	80
Tổng số ngày cư trú trong năm 2014	**171**

Năm 2015

Thời gian	Số ngày (Ngày đến và ngày đi chỉ tính chung là 01 ngày)
Từ 01/02/2015 đến 01/04/2015	59

Do năm dương lịch đầu tiên (2014) bà Linda không có mặt tại VN từ 183 ngày trở lên nên năm tính thuế đầu tiên của Bà Linda sẽ là 12 tháng liên tục kể từ ngày đến VN
Số ngày bà Linda có mặt tại VN trong 12 tháng liên tục (từ 01/05/2014 đến 30/04/2014) là: 171 + 59 = 230 ngày. Như vậy trong 12 tháng liên tục này, bà Linda là đối tượng cư trú thuế tại VN và phải nộp thuế trên thu nhập toàn cầu mà Bà có được trong năm tính thuế có liên quan.

1. ***Số thuế phải nộp theo quy định của VN***

Thu nhập chịu thuế/tháng = 15.000 USD/tháng x 20.000 VNĐ = 300.000.000 VNĐ
Thu nhập tính thuế /tháng = 300.000.000 VNĐ - 9.000.000 VNĐ (giảm trừ bản thân) = 291.000.000 VNĐ
Thuế TNCN/tháng = 291.000.000 VNĐ x 35% - 9.850.000 VNĐ = 91.000.000 VNĐ
Thuế TNCN/năm = 91.000.000 VNĐ x 12 tháng = 1.092.000.000 VNĐ

2. ***Số thuế đã nộp ở Mỹ được trừ tại VN***

Thời gian làm việc tại nước ngoài= 365 – 230 = 135 ngày (chiếm 37% thời gian trong năm tính thuế)
Theo đề bài, Bà Linda bị cơ quan ở Mỹ trừ 1.000 USD tiền thuế/tháng (hay 12.000 USD/năm, tương đương 240.000.000 VNĐ/năm)
Số thuế bà Linda được trừ tại VN sẽ là số thấp hơn giữa số thuế đã bị cơ quan thuế ở mỹ trừ thực tế (240.000.000 VNĐ/năm) và số thuế phải nộp tại Mỹ tính theo số ngày phân bổ (1.092.000.000 VNĐ x 37% = 404.000.000 VNĐ) . Trong trường hợp này là : 240.000.000 VNĐ/năm

3. ***Số thuế còn phải nộp tại VN:***
1.092.000.000 VNĐ – 240.000.000 VNĐ = 852.000.000 VNĐ

Bài 3:

ketoan.thue91

1. Tính thuế GTGT

- ***Thuế GTGT đầu ra:***
  - Bán bàn ghế gỗ trong nước: 3.000 x 10% = 300 trđ
  - Bán chân tay giả trong nước không thuộc diện chịu thuế GTGT
  - Xuất khẩu bàn ghế: 4.000 x 0% = 0
  - Xuất khẩu chân tay giả: 1.000 x 0% = 0
    ➔ Tổng số thuế GTGT đầu ra: 300 trđ
- ***Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:***
  - Vật tư dùng để sản xuất bàn ghế: 2.800 x 10% = 280 trđ
  - Vật tư dùng để sản xuất chân tay giả xuất khẩu: 1.200 x (1.000/3.000) x 10% = 40trđ
  - Thuế GTGT đầu vào khác không hạch toán riêng được: 400, giả sử không có thuế GTGT đầu vào của TSCĐ

    ➔ Như vậy, Tổng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: 280 + 40 = 320
- ***Thuế GTGT phải nộp = 300 – 320 = - 20 trđ***

Kết luận: Trong kỳ Doanh nghiệp không phải nộp thuế GTGT, mà còn được chuyển khấu trừ kỳ sau

2. Xác định thuế TNDN

- Doanh thu tính thuế: 1.000 trđ
- Chi phí được trừ:
  + Chi mua vật tư: 4.000 + (120 -40) = 4.080 (trong đó: 120 là VAT của vật tư sản xuất chân tay giả, 40 là VAT đầu vào của chân tay giả bán trong nước không được khấu trừ

  + Chi phí khác: 3.500 – 60 = 3.440 trđ
  + Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ: 80 trđ (thuế đầu vào của vật tư dùng để sản xuất chân tay giả bán trong nước không tách riêng được)

  ➔ Tổng chi phí được trừ: 7.600 trđ
- Thu nhập chịu thuế khác:
  + Thu nhập được chia từ nước ngoài: 210/(1-30%) = 300 trđ
  + Thu nhập được chia từ liên doanh trong nước, bên liên doanh đã nộp thuế : 400 trđ
  + Thu từ phạt vi phạm hợp đồng kinh tế sau khi bù trừ với khoản nộp phạt vi phạm hợp đồng kinh tế: 40 trđ

  ➔ Tổng thu nhập chịu thuế khác 740 trđ

- Thu nhập chịu thuế = (Doanh thu – chi phí được trừ) + Thu nhập khác

  = 10.000 – 7.600 + 740 = 3.140 trđ
- Thu nhập được miễn thuế: là khoản thu nhập từ liên doanh trong nước đã nộp thuế = 400 trđ
- Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)

  = 3.140 – 400 - 200 = 2.540 trđ
- Thuế Thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ: 300 x 25% = 75 trđ (Mặc dù đã nộp ở nước ngoài là 90 trđ, nhưng vẫn được trừ 75 trđ)
- Thuế TNDN phải nộp = 2.540 x 22% = 558 trđ

Bài 4:

315.151.515 đ + 1.176.832.800 đ + 1.349.370.000 đ = 2.841.354.315 đ.

1. ***Thuốc lá không xuất khẩu tiêu thụ trong nước:***

Thuế TTĐB = (50.000 -30.000) cây x $\frac{40.000}{(1 + 65\%)}$ x 65% = 315.151.515 đ

2. ***Nhập khẩu máy điều hòa công suất từ 90.000 BTU trở xuống***

Giá CIF đã có thuế nhập khẩu của 01 máy điều hòa = 5.616.000 đ x 1,27 = 7.132.320 đ
Thuế TTĐB = 150 máy x 7.132.320 đ x 1,1 = 1.176.832.800 đ
Máy điều hoà chỉ chịu thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu, không chịu lầ n nữa ở khâu thương mại

3. Giá CIF của 01 máy điều hòa = 280 USD + 1.200 USD/150 = 288 USD x 19.50

Giá CIF đã có thuế nhập khẩu của 01 ch ai rượu = 660.000 đ

4. ***Nhập khẩu rượu 40^0***

chai x 957.000 đ x 1,5 = 1.349.370.000 đ

5. ***Số thuế TTĐB phải nộp trong tháng 10/2014***

Thuế TTĐB =